

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 65/2019/DS-GĐT

Ngày: 30/10/2019

Về: “*Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự - Thẩm phán.

Các Thẩm phán: Ông Lại Văn Trình và ông Đặng Kim Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhị Tứ - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án “*Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản*”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy N, sinh năm 1956; Cư trú: N, phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Đ; Cư trú: H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Người đại diện theo pháp luật: ông Vân Thành H - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Mai H, sinh năm 1959; Cư trú: R, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Lê Đình S, sinh năm 1972; Cư trú: Tổ dân phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1961; Cư trú: 8/30 Lô G, khu dân cư M, phường 3, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Xuân Q, sinh năm 1974; Cư trú: Tổ dân phố J, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

- Ông Nguyễn Xuân M, sinh năm 1957; Cư trú: S, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1974; Cư trú: Thôn K xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Ông Lê Hữu Tr; Cư trú: Thôn H xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Huy N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trương H trình bày:

Ngày 17/11/2000, ông Nguyễn Huy N có gửi tại kho của Chi nhánh cung ứng thu mua hàng xuất khẩu Đ1 (sau đây viết tắt là Chi nhánh), trực thuộc Công ty đầu tư xuất nhập khẩu Đ (nay là Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Đ - sau đây viết tắt là Công ty) số lượng cà phê là 67.000kg, thể hiện bằng Phiếu gửi số 233gk ngày 17/11/2000 với số lượng là 67.000gk cà phê nhân xô. Việc gửi cà phê là do có chủ trương bằng Thông báo số 921 ngày 23/12/1999 của Công ty về việc cho phép các Chi nhánh nhận ký gửi cà phê của dân. Khi nào cần thì người dân có quyền chốt giá và lấy tiền tại thời điểm chốt giá. Việc nhập hàng bằng phương tiện gì chở đến, việc cân hàng ra sao thì phía nguyên đơn không nắm rõ vì đã lâu, các chứng từ mua bán, ký gửi các lần khác nhau ông N cũng không còn giữ.

Trong số lượng 67.000kg cà phê nhân xô ông N gửi thì ông N đã bán 17.000kg. Việc chốt bán 17.000kg thì Công ty và Chi nhánh đã chuyển tiền cho ông N nhưng vào thời điểm cụ thể thì ông N không nhớ vì đã quá lâu, Ông không còn lưu giữ hóa đơn chứng từ gì. Tuy nhiên, ông N thừa nhận phía Công ty đã giao đủ số tiền đối với 17.000kg cà phê mà Ông đã chốt bán.

Số cà phê mà ông N còn ký gửi tại Công ty là 50.000kg. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty phải trả cho Ông số lượng 50.000kg cà phê nhân xô.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Đ là ông Lưu Văn H trình bày:

Công ty đầu tư xuất nhập khẩu Đ (nay là Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Đ) có chủ trương cho người sản xuất cà phê gửi cà phê tại các kho Chi nhánh của Công ty (cụ thể là các đơn vị trực thuộc) theo Thông báo số 921 ngày 23/12/1999. Tuy nhiên, ông H là Giám đốc Chi nhánh đã không thực hiện đúng theo Thông báo số 921, cho ông N gửi kho của Chi nhánh trái với quy định của Công ty. Việc ông N gửi bao nhiêu cà phê, gửi cho ai, bằng tiền hay bằng cà phê thì Công ty hoàn toàn không biết vì số lượng cà phê mà ông N khởi kiện hoàn toàn không gửi về Công ty theo đúng chủ trương của Thông báo 921. Trong hồ sơ sổ sách kế toán của Chi nhánh không thể hiện số công nợ 50.000kg cà phê của ông N. Sau khi tỉnh Đắk Lắk tách ra thành hai tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông, ngày 29/8/2006 Công ty đã bàn giao Chi nhánh cho tỉnh Đắk Nông cũng không có khoản nợ 50.000kg cà phê của ông N. Như vậy, giao dịch cà phê giữa ông H và ông N là giao dịch cá nhân, Công ty không biết và không chịu trách nhiệm. Trách nhiệm phải trả 50.000kg cà phê cho

ông N là trách nhiệm của ông Nguyễn Mai H và ông Lê Đình S, là kế toán của Chi nhánh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Mai H trình bày:

Trong thời gian Ông làm Giám đốc Chi nhánh thì ông Nguyễn Huy N có gửi cà phê vào kho của Chi nhánh nhiều lần với tổng số lượng là 67.000kg. Chi nhánh đã tổng hợp và cấp Phiếu kho số 223gk ngày 17/11/2000 cho ông N. Sau khi nhận gửi cà phê của ông N, Chi nhánh đã làm thủ tục gửi về Công ty theo đúng Thông báo 921. Do Chi nhánh ứng tiền của Công ty về giao cho các điểm thu mua cà phê trực thuộc Chi nhánh để mua cà phê cho Công ty, các điểm thu mua đã chiếm dụng vốn, không mua cà phê nhập cho Chi nhánh; vì vậy, khi Chi nhánh làm thủ tục gửi chứng từ của ông N và của những người khác gửi cà phê tại Chi nhánh về Công ty, Công ty không làm thủ tục nhập kho và cấp Giấy chứng nhận cho người gửi mà khấu trừ vào số nợ mà Chi nhánh đã ứng tiền cho các điểm thu mua; tại thời điểm đó Chi nhánh có lập danh sách người gửi cà phê tại Chi nhánh về Công ty nhưng do sai sót nên trong danh sách không có tên của ông N, sau đó Chi nhánh có báo lại cho Công ty về việc sai sót này.

Việc Chi nhánh có nhận 67.000kg cà phê nhân xô của ông N là có thật, còn có luân chuyển hoặc làm thất thoát số lượng cà phê không chỉ của ông N mà còn có thể của những người khác nữa thì cá nhân ông H và Chi nhánh phải chịu trách nhiệm với Công ty. Bản thân ông H cũng đã bị Công ty xử lý kỷ luật và Giám đốc Công ty có ủy quyền bằng văn bản cho Giám đốc Chi nhánh thu hồi nợ và chuyển vào tài khoản của Công ty. Các Bản án và Quyết định của Tòa án trước đây đều tuyên các cá nhân còn nợ phải trả lại cho Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Đ chứ không phải trả cho cá nhân ông Hiệp. Do vậy cần buộc Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Đ phải trả cho ông N 50.000kg cà phê nhân xô là đúng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Đình S trình bày:

Ông nguyên là trưởng bộ phận kế toán của Chi nhánh. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của Công ty đầu tư xuất nhập khẩu Đ. Chi nhánh có khuôn dấu nhưng không có tài khoản, không có tài sản độc lập. Chi nhánh có chức năng nhận tiền của Công ty về tổ chức thu mua các mặt hàng xuất khẩu theo kế hoạch, tổ chức tiếp nhận hàng cà phê gửi kho của dân, sau đó chuyển về Công ty theo đúng Thông báo 921. Chi nhánh có tiếp nhận hàng cà phê của ông Nguyễn Huy Nam với số lượng cà phê là 67.000kg cà phê nhân xô R2 5% theo Phiếu nhập kho số 223k ngày 17/11/2000. Ông Nguyễn Huy N đã bán 17.000kg và nhận tiền, hiện Chi nhánh còn nợ ông N 50.000kg cà phê nhân xô. Nay Chi nhánh không còn tồn tại, do vậy việc ông N khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Đ phải trả cho ông N 50.000kg cà phê nhân xô là đúng thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu H trình bày:

Điểm thu mua do ông làm tổ trưởng thuộc Chi nhánh và là đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư xuất nhập khẩu tỉnh Đ. Điểm thu mua cà phê chế biến có trách nhiệm thu mua và tiếp nhận hàng gửi kho của dân, sau đó gia công chế biến giao về cho Công ty thông qua Chi nhánh trực tiếp quản lý. Ngày 16/11/2000, Tổ thu mua chế biến do Ông làm tổ trưởng có tiếp nhận hàng cà phê của ông Nguyễn Huy N với số lượng 27.000kg cà phê nhân R2 5%, Chi nhánh có lập phiếu số 05 ngày 16/11/2000. Sau khi gia công chế biến đã xuất giao cho Chi nhánh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Xuân Q trình bày:

Vào thời gian năm 2000-2001, Ông làm ở xưởng chế biến có trách nhiệm thu mua hàng xuất khẩu Cù Jút và làm công tác kiểm định chất lượng (KCS). Đối với số lượng cà phê nhập bằng tiền như Phiếu nhập kho số 05 ngày 17/11/2000 của Chi nhánh, số tiền trên Ông không nhận. Việc nhận tiền, mua bán gửi kho toàn bộ do ông T quyết định, Ông chỉ là nhân viên làm hàng xuất khẩu, coi kho, còn các việc khác Ông không biết. Số lượng tiền tương đương số lượng cà phê nêu trên do ông T ký nhận trực tiếp với khách hàng. Đối với số lượng cà phê mà ông N đã gửi thì đã được chuyển về cho Chi nhánh hay chưa thì Ông không biết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Xuân M trình bày:

Điểm thu mua cà phê do Ông làm tổ trưởng thuộc Chi nhánh, là đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư xuất nhập khẩu Đ. Điểm thu mua cà phê chế biến có trách nhiệm giao về cho Công ty thông qua Chi nhánh trực tiếp quản lý. Ngày 17/11/2000, tổ thu mua chế biến do Ông làm tổ trưởng có tiếp nhận hàng cà phê của ông Nguyễn Huy N với số lượng 10.000kg cà phê nhân R 5%, Chi nhánh có lập phiếu 05 ngày 17/11/2000. Sau khi gia công chế biến đã xuất giao cho Chi nhánh.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2016/DSST ngày 29/6/2016, Tòa án nhân dân thành phố B đã quyết định:

Căn cứ Điều 25, Điều 33, Điều 35, Điều 130, Điều 131, Điều 138, Điều 195, Điều 199, Điều 210; Điều 238; Điều 243, Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 92, Điều 93, Điều 559, Điều 560, Điều 561, Điều 562, Điều 563, Điều 564, Điều 565, Điều 566, Điều 618 của Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Huy N.

Buộc Công ty đầu tư xuất nhập khẩu Đắc Lắc (nay là Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Đ) phải trả cho ông Nguyễn Huy N 50.000kg (năm mươi nghìn kg) cà phê nhân xô R2 5%

Ngoài ra, Tòa án còn quyết định về án phí, chi phí giám định, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo.

Ngày 14/7/2016, bị đơn là Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 163/2016/DSPT ngày 27/9/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2016/DSST ngày 29/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

- Ngày 10/10/2016, Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Đ có đơn đề nghị xem xét lại vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

- Tại Quyết định số 20/KN-DS ngày 23/9/2019, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2016/DS-ST ngày 29/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 20/2019/KN-DS ngày 23/10/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Huy N xuất trình ***Phiếu gửi*** số 223gk do ông Nguyễn Mai H (*Giám đốc Chi nhánh cung ứng thu mua hàng xuất khẩu Đ1, là đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư xuất nhập khẩu Đ*) cấp ngày 17/11/2000 để khởi kiện yêu cầu Công ty phải trả 50.000kg cà phê. Còn Công ty không đồng ý trả vì Chi nhánh thực hiện không đúng Thông báo số 921/1999/TB/CT ngày 23/12/1999 của Công ty về phương thức gửi, lập và báo cáo về Công ty nên Công ty cho rằng đó là giao dịch riêng giữa cá nhân ông H với ông N. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 92 Bộ luật Dân sự năm 2005: “*Pháp nhân có các quyền, nghĩa vụ dân sự phát sinh từ giao dịch dân sự do văn phòng đại diện, chi nhánh xác lập, thực hiện*”; Khoản 1 Điều 93 Bộ luật Dân sự năm 2005 “*Pháp nhân phải chịu trách nhiệm dân sự về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện nhân danh pháp nhân*” và quy định tại Điều 618 Bộ luật Dân sự năm 2005 “*Pháp nhân phải bồi thường thiệt hại do người của mình gây ra trong khi thực hiện nhiệm vụ được giao; nếu pháp nhân đã bồi thường thiệt hại thì có quyền yêu cầu người có lỗi trong việc gây ra thiệt*

hại phải hoàn trả một khoản tiền theo quy định của pháp luật” để buộc Công ty trả ông N 50.000kg cà phê.

[2] Tại Khoản 5 Điều 92 và Khoản 1 Điều 93 Bộ luật Dân sự năm 2005 chỉ quy định nguyên tắc chung là Pháp nhân có quyền, nghĩa vụ liên quan đến giao dịch do (*Văn phòng đại diện; Chi nhánh và Người đại diện của Pháp nhân*) thực hiện; còn tại Điều 618 Bộ luật dân sự 2005 quy định rõ “*Pháp nhân phải bồi thường thiệt hại do người của mình gây ra trong khi **thực hiện nhiệm vụ được giao**...*”. Trong vụ án này cơ sở pháp lý để xem xét Chi nhánh của Công ty có thực hiện đúng nhiệm vụ được giao hay không thì phải căn cứ nội dung Thông báo số 921/1999/TB/CT ngày 23/12/1999 của Công ty Đầu tư XNK tỉnh Đắk Lắk để đối chiếu, xem xét.

[3] Nội dung Thông báo số 921 quy định “*I/ ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG: 1. Công ty nhận cà phê gửi kho cho khách hàng thông qua các đơn vị Chi nhánh, Xưởng chế biến (gọi tắt là đơn vị trực thuộc); hàng gửi kho sẽ được gút bán cho Công ty và thanh toán theo giá thời điểm gút bán.. 3. Thời gian gửi kho là 5 tháng, sau 5 tháng khách hàng có nhu cầu gửi kho tiếp thì báo lại Công ty; ...II/ ĐỐI VỚI CHI NHÁNH, TRẠM, XƯỞNG CB TRỰC THUỘC CÔNG TY: 2. Các đơn vị tuyệt đối không được nhận tiền mặt gửi của khách hàng mà phải nhận bằng hiện vật cà phê. 3. Các đơn vị trực thuộc nhận cà phê gửi kho của khách hàng... có trách nhiệm thiết lập các chứng từ pháp lý theo quy định hiện hành và tiến hành giao hàng về Công ty để Công ty cấp Giấy chứng nhận gửi kho cho khách hàng. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận hàng gửi kho của khách hàng các đơn vị trực thuộc phải chế biến giao hàng về Công ty, nếu quá thời hạn trên đơn vị không giao hàng về Công ty xem như đơn vị chiếm dụng hàng của người gửi, đơn vị phải chịu trách nhiệm trước giám đốc Công ty và pháp luật khi có sự cố xảy ra....4. Công ty chỉ cấp Giấy công nhận gửi kho cho khách hàng khi có phiếu nhập kho Công ty, cơ sở chứng từ pháp lý để cấp Giấy công nhận gồm: Phiếu nhập kho Công ty, Phiếu nhập kho của cơ sở với người gửi kho ...7. Các đơn vị trực thuộc tuyệt đối không được giữ lại hoặc sử dụng hàng gửi kho dưới bất kỳ hình thức nào trái với thông báo này...III/ĐỐI VỚI CÁC PHÒNG BAN CÔNG TY: ...Hàng gửi kho không có Giấy công nhận của Công ty đều không có giá trị pháp lý”.*

[4] Căn cứ nội dung Thông báo 921 nêu trên thì sau 10 ngày hàng gửi kho sẽ được Công ty cấp **Giấy công nhận gửi kho** theo mẫu của Công ty. Điều kiện để Công ty cấp Giấy công nhận gửi kho là phải có *Phiếu nhập kho Công ty, Phiếu nhập kho của cơ sở với người gửi kho*; nhưng ông N chỉ xuất trình được phiếu nhập kho do Chi nhánh cấp. Xuất phát từ Thông báo 921 của Công ty thì ông N mới tiến hành thu gom cà phê, gửi kho Công ty (mục đích nhờ Công ty bảo quản hộ khi giá lên cao bán kiếm lời) nên đương nhiên trước khi gửi ông N đã biết Thông báo 921 vì liên quan tới tài sản mà Ông

gửi giữ; do đó, buộc ông N phải biết chỉ khi có **Giấy công nhận gửi kho** theo mẫu của Công ty thì ông N mới được thanh toán. Ông Nguyễn Mai H (*Giám đốc Chi nhánh*) cho rằng ông N đã gửi cà phê vào kho của Chi nhánh và Chi nhánh đã chuyển số cà phê này về kho của Công ty; nhưng ông H không xuất trình được *Phiếu nhập kho Công ty*. Báo cáo kiểm toán giữa Công ty và Chi nhánh cung ứng thu mua hàng xuất khẩu Cư Jút-Đ1 ngày 19/9/2003 thì không có tên ông N có hàng gửi kho. Bảng kê *Tình hình công nợ phải trả tại Chi nhánh Đ1 (không kể công nợ trước khoản) tính đến ngày 31/8/2003* của Chi nhánh cũng không có khoản nợ 50.000 kg cà phê của ông N.

[5] Theo ông N khai thì Phiếu gửi 223kg ngày 17/11/2000 được tổng hợp từ 5 Phiếu nhập kho ở các Trạm thu mua; tuy nhiên có 01 Phiếu gửi thể hiện ông N không mua cà phê gửi vào Trạm mà gửi tiền quy ra cà phê, đây là vấn đề Công ty nghiêm cấm tại Thông báo 921 “2. Các đơn vị tuyệt đối không được nhận tiền mặt gửi của khách hàng mà phải nhận bằng hiện vật cà phê.” và có 2 phiếu lập ngày 18/11/2000 (sau ngày lập phiếu 223kg ngày 17/11/2000) là không phù hợp. Như vậy, ông H đã không thực hiện đúng nhiệm vụ được giao theo Thông báo 921; hơn nữa theo ông N thì Ông gửi 67.000kg, đã được thanh toán 17.000kg, nhưng vấn đề thanh toán 17.000 kg cà phê này cho ông N thì Công ty cũng không được biết.

[6] Ngoài ra, tại Công văn số 2545/STC-TCDN ngày 20/9/2016, Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk xác định “*Căn cứ Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2005, ngày 20/6/2006 kèm theo Bảng kê chi tiết các khoản nợ phải trả của Công ty Đầu tư xuất nhập khẩu Đ, khoản nợ 50.000 kg cà phê nhân xô R2 5% của ông Nguyễn Huy N không có trong hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2005 để cổ phần hóa của Công ty Đầu tư xuất nhập khẩu Đ*”.

[7] Như vậy, biết được Thông báo 921 thì ông N mới tiến hành gửi kho (như trình bày của ông N); nhưng ông N không cung cấp được Hợp đồng gửi giữ với Công ty theo đúng Thông báo 921 là phải có **Giấy công nhận gửi kho** là không đảm bảo về mặt pháp lý để yêu cầu bên giữ tài sản phải trả lại tài sản đã nhận giữ; còn ông H (nếu có việc ông N gửi hàng thật) thì cũng không thực hiện đúng nhiệm vụ được giao tại Thông báo 921 nên Công ty không chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định tại Điều 618 Bộ luật Dân sự năm 2005 “*Pháp nhân phải bồi thường thiệt hại do người của mình gây ra trong khi thực hiện nhiệm vụ được giao;..*”; nếu có việc ông N gửi hàng ông H nhận thì đó là trách nhiệm cá nhân giữa ông H và kế toán chi nhánh (vì Phiếu gửi có chữ ký của kế toán) với ông N.

[8] Tại Quyết định giám đốc thẩm số 72/2008/GĐT-DS ngày 28/4/2008 của Tòa Dân sự Tòa án nhân dân tối cao nhận định *nếu ông H và kế toán Chi nhánh không chứng minh được là đã chuyển 50.000 kg cà phê của ông N về kho của Công ty thì hai*

người này cùng phải chịu trách nhiệm với ông N. Quá trình giải quyết vụ án, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh số cà phê 50.000 kg này được chuyển về Công ty. Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm phải bác đơn khởi kiện của ông N mới đúng định hướng của Quyết định giám đốc thẩm nêu trên.

[9] Theo kết quả xác minh thi hành án thì Bản án dân sự phúc thẩm số 163/2016/DSPT ngày 27/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã được Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Đ thi hành dứt điểm nghĩa vụ trả nợ vào ngày 20/3/2017. Tuy nhiên, ngày 22/4/2019 Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Đ tiếp tục có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên với lý do việc Công ty phải thi hành án đối với bản án phúc thẩm trên là bắt buộc trước áp lực cưỡng chế thi hành án, tuân thủ pháp luật mà không tự nguyện.

[10] Do đó, cần chấp nhận Quyết định kháng nghị số 20/KN-DS ngày 23/9/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; hủy bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật. Khi xét xử sơ thẩm lại, Tòa án phải giải quyết hậu quả của việc thi hành án và các vấn đề khác có liên quan (nếu có) theo qui định tại khoản 4 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm số 163/2016/DS-PT ngày 29/7/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và bản án dân sự sơ thẩm số 60/2016/DS-ST ngày 29/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về vụ án “*Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản*”;

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm;

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tp B, tỉnh Đắk Lắk (02 bản kèm hồ sơ vụ án);
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Chi cục THADS tp B;
- Các đương sự;
- Lưu: Phòng Lưu trữ, Phòng GDKT II, HSVA.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tự

